

Múa rối cạn Bảo Hà: Tinh hoa nghệ tạc tượng¹

Vũ Hồng Nhi^(*)

Tóm tắt: Múa rối cạn và tạc tượng là hai nghề truyền thống nổi tiếng, lâu đời ở làng Bảo Hà, xã Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà rất độc đáo, con rối được tạo hình và chạm khắc tinh xảo theo phong cách tả thực, làm nổi bật tính cách của nhân vật. Khi biểu diễn, nghệ nhân sử dụng que trong để điều khiển, do đó cử động của con rối hết sức tự nhiên, sống động và hấp dẫn. Bài viết giới thiệu quá trình hình thành múa rối cạn Bảo Hà, diễn giải những yếu tố tạo nên đặc trưng trong nghệ thuật tạo hình và điều khiển con rối trên cơ sở của nghề tạc tượng.

Từ khóa: Múa rối cạn, Làng Bảo Hà, Tạc tượng, Rối que, Trò diễn

Abstract: Land puppetry and statue carving contributes to famous, long-standing traditional crafts in Bao Ha village, Dong Minh commune, Vinh Bao district, Hai Phong city. The uniqueness of Bao Ha village's land puppetry lies in the fact that the puppets are shaped and carved delicately in a realistic style, highlighting the character's personality. When performing, the artisan controls sticks attached inside the puppet's hand to express the puppet's natural, lively and attractive movements. The paper introduces the formation history of Bao Ha village's land puppetry and explains the factors that create characteristics in the art of creating and controlling puppets based on the craft of sculpture.

Keywords: Land puppetry, Bao Ha village, Statue carving, Stick puppets, Performance

Ngày nhận bài: 06/9/2024; Ngày duyệt đăng: 10/12/2024

1. Mở đầu

Phường rối cạn Bảo Hà thuộc làng Bảo Hà, xã Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Làng cách trung tâm thành phố Hải Phòng 30 km về phía Nam, nơi đây nổi tiếng với nghề tạc tượng và múa rối cạn. Bài viết làm rõ sự hình thành rối cạn Bảo Hà và những yếu tố tạo

nên nét riêng, sự độc đáo trong nghệ thuật tạo hình, kỹ thuật điều khiển con rối trên cơ sở nghề tạc tượng. Nguồn tư liệu chính của bài viết được tác giả thu thập vào tháng 7/2024 từ khảo sát điền dã, phỏng vấn sâu (PVS), thảo luận nhóm (TLN) với các nghệ nhân rối cạn, những người am hiểu về lịch sử, văn hóa địa phương tại địa bàn nghiên cứu.

2. Đôi nét về làng Bảo Hà

Tư liệu phỏng vấn các cụ cao niên ở địa phương, cuốn *Lịch sử Đảng bộ xã Đông Minh* và một số tài liệu khác cho thấy, tên gọi của làng và phường rối Bảo Hà hiện nay gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này. Theo đó, thời cổ

¹ Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ "Rối cạn của người Việt và người Tày ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi" do TS. Vũ Hồng Nhi chủ nhiệm, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chủ trì, thực hiện năm 2024-2025.

^(*) TS., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hongnhivhdg@gmail.com

xưa nơi đây là vùng bãi bồi ven biển, hoang hóa. Vào thời Lý, cuối thế kỷ XII, vùng đất này được người dân từ một số nơi đến khai phá, các xóm nhỏ được hình thành, có những tên xóm còn lưu truyền đến ngày nay như: xóm Muối, xóm Cối, xóm Núi, xóm đồng Võ, xóm đồng Sậy... (Ban chấp hành Đảng bộ xã Đồng Minh, 2018: 5). Đến đời vua Trần Thái Tông (1225-1258), dân cư ngày một đông hơn, các xóm mở rộng ra, được quy tụ thành các làng với tên gọi Linh Động, Bảo Động, Từ Đường... Bên cạnh nghề trồng lúa nước, người dân nơi đây còn có các nghề thủ công, trong đó có nghề mộc. Đầu thế kỷ XV, sau khi đánh đuổi giặc Minh sang xâm lược, đất nước thái bình, những người dân lưu lạc đã trở về quê cũ làm ăn, khôi phục sản xuất và có thêm nghề tạc tượng. Bởi vậy, có nhiều người cho rằng rối cạn của làng được hình thành từ đây, cùng với nghề tạc tượng. Sang thế kỷ XIX, thời vua Gia Long (1802-1820), dân cư ở đây đã trở nên đông đúc, hình thành các trang - ấp mới trong đó có trang Hà Cầu. Đến đời vua Đồng Khánh (1885-1888) có sự thay đổi tên làng, theo đó làng Linh Động được đổi thành làng Bảo Động, trang Hà Cầu đổi thành làng Hà Cầu (Ban chấp hành Đảng bộ xã Đồng Minh, 2018: 6-15).

Dưới chế độ thực dân phong kiến, đời sống của người dân nơi đây nhìn chung rất khổ cực, nghệ thuật múa rối cạn Hà Cầu không có điều kiện để duy trì. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hai làng Hà Cầu và Bảo Động được sáp nhập thành làng Bảo Hà. Năm 1954, hòa bình lập lại ở miền Bắc, nhờ sự quan tâm của chính quyền và tâm huyết của một số nghệ nhân, phường rối Hà Cầu được phục hồi và đổi tên theo địa danh mới của làng là Bảo Hà và được duy trì từ đó đến nay (Tư liệu điền dã, 2024).

3. Khái quát nghề tạc tượng và múa rối cạn Bảo Hà

Tạc tượng là nghề cổ truyền nổi tiếng của làng Bảo Hà, tính đến nay đã được hơn 500 tuổi. Theo các cứ liệu lịch sử, nghề tạc tượng do cụ Nguyễn Công Huệ truyền dạy vào năm 1427. Cụ Nguyễn Công Huệ học được nghề này khi bị bắt sang Trung Quốc để xây dựng các đền đài, cung điện cho nhà Minh. Khi hồi hương, cụ đã truyền nghề cho con cháu, dân làng. Kể từ đó, ngoài việc đồng áng, người dân trong làng Bảo Hà có thêm nghề tạc tượng để mưu sinh (Nguyễn Văn Tuom, 2023: 10-11).

Tư liệu điền dã của chúng tôi cho thấy, nhiều người cho rằng rối cạn của làng có từ thế kỷ XV, cùng thời với nghề tạc tượng. *“Trong quá trình tạc tượng, các cụ đã dùng những mẫu gỗ thừa tạo ra hình người và con vật để tiêu khiển. Lúc đầu chỉ vài ba người làm để chơi vui với nhau, dần hình thành trò diễn và sau tổ chức trình diễn mang tính chất vui chơi, giải trí để phục vụ dân làng trong những dịp lễ tết”* (PVS, ông Bùi Văn Vược, làng Bảo Hà). *“Những lúc rảnh rỗi, người làm nghề đã sử dụng những mẫu gỗ thừa tạo ra một số hình gọi là con thỏ để vui chơi, thư giãn. Các con thỏ được buộc dây, gắn que để có thể cử động và trở thành trò chơi đánh con thỏ. Từ trò này, các cụ xưa đã dần phát triển thành hoạt động biểu diễn rối cạn và tạo hình con rối cũng được nâng cao với những biểu cảm đời thường, theo phong cách tạc tượng”* (PVS, ông Tô Xuân Hiền, Giám đốc HTX Thủ công mỹ nghệ Đồng Minh).

Sau khi mất, cụ Nguyễn Công Huệ được dân làng tôn là tổ sư nghề tạc tượng, lập miếu Bảo Hà để thờ với đôi câu đối ca ngợi: *Bắc học do lưu hào kiệt khái/ Nam truyền công ngưỡng Đẩu Sơn cao* (Tạm dịch nghĩa: *Đi học ở Trung Quốc vẫn giữ khí phách trang hào kiệt/ Về truyền nghề*

ở Việt Nam công lao như sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn) (Ban chấp hành Đảng bộ xã Đồng Minh, 2018: 23).

Cũng tại miếu Bảo Hà còn có pho tượng Linh Lang Đại vương là thành hoàng của làng. Tương truyền, tượng do tổ nghề Nguyễn Công Huệ tạo lên. Tượng cao bằng người thật, nét mặt thanh tú, khôi ngô, đầu đội mũ có trang trí hình rồng, mình mặc quần áo lụa. Điều đặc biệt là pho tượng có thể đứng lên, ngòi xuống một cách nhịp nhàng khi đóng mở cánh cửa ra vào, nhờ vào các khớp nối với cánh cửa. *“Đây chính là sự kết hợp khéo léo giữa nghệ thuật tạc tượng và nghệ thuật múa rối cạn, tạo ra hệ thống truyền lực để kéo đẩy giữa cánh cửa với các khớp của pho tượng. Đó là những kiến thức liên quan đến lực đòn bẩy, cũng được áp dụng trong một số trò diễn của rối cạn Bảo Hà để con rối có thể đưa tay cỡi áo vắt lên cánh tay; tư lấy quạt để quạt”* (PVS, ông Đặng Văn Thạnh, làng Bảo Hà).

Sự thăng hoa của nghề tạc tượng làng Bảo Hà còn gắn với những tên tuổi nghệ nhân đã được triều đình phong kiến ghi nhận như các cụ Tô Phú Luật là “Diệu nghệ bá”¹, Tô Phú Vượng là “Kỳ tài hầu”², Hoàng

Đình Úc³ là “Cục phó cục tạc tượng”... Điều này cho thấy, nghề tạc tượng của làng Bảo Hà được triều đình trọng dụng và đánh giá rất cao từ đầu thế kỷ XVIII.

Ngoài ra, còn có ý kiến khác cho rằng, rối cạn được ra đời sau nghề tạc tượng. Theo đó, vào khoảng thế kỷ XVIII, nghề tạc tượng Bảo Hà thịnh vượng nhất với tên tuổi của nhiều người thợ điêu khắc tài hoa và hưởng bổng lộc triều đình như cụ Tô Phú Vượng. Trong triều đình có nguồn tài trợ, người tạc tượng có điều kiện sáng tạo. Đồng thời, múa rối ra đời cũng được phục vụ cho vua xem trước hết rồi mới lan truyền ra ngoài, ở các phủ chúa và các quan lại khác, sau mới đến dân dã, phục vụ nơi đình đám, nhà giàu thôn xóm (Nguyễn Thu Trang, 2006: 70).

Những năm đầu của thế kỷ XX, do chiến tranh, loạn lạc đói kém nên nghề tạc tượng của làng Bảo Hà đã có những giai đoạn bị mai một. Đến giữa thế kỷ XX, nhờ có chính sách của Đảng, Nhà nước nên làng nghề tạc tượng cũng như múa rối cạn của làng Bảo Hà đã dần được khôi phục (Tư liệu điền dã, 2024).

Theo thống kê năm 2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đồng Minh, hiện nay làng tạc tượng Bảo Hà có hơn 1.000 hộ làm nghề, trong đó có 200 hộ tạc tượng, 20 xưởng sản xuất. Sản phẩm của làng nay cũng đa dạng, phong phú hơn nhiều, nhưng nổi tiếng hơn cả vẫn là các dòng sản phẩm truyền thống như tượng phật, con rối (UBND xã Đồng Minh, 2023).

¹ Sắc phong đề ngày 28 tháng 3 năm Vĩnh hiệu thứ 6 (1725).

² Trong số những tên tuổi nghệ nhân được triều đình ghi nhận, tài hoa hơn cả là cụ Tô Phú Vượng, trong dân gian vẫn lưu truyền giai thoại cụ được vua Lê Dụ Tông (1720-1729) giao trọng trách tạc ngai vàng cho vua. Sau khi làm xong, cụ đã ngòi thử nên bị khép vào tội “khi quân phạm thượng”, bị giam vào ngục để chờ ngày luận tội. Trong ngục, cụ đã dùng 7 hạt gạo nếp khắc thành 7 chú voi nhỏ xíu mà vẫn đầy đủ cả ngà, vòi, tai, đuôi. Chuyện đến tai vua, khi nhìn thấy tác phẩm “siêu nhỏ”, nhà vua vô cùng ngạc nhiên và cảm phục tài nghệ, đã lập tức hạ chiếu tha bổng và phong cho cụ tước hiệu “Kỳ tài hầu”, đồng thời cho về quê để phát triển, mở mang ngành nghề. Đến nay, tại nhà thờ họ Tô (xóm Miếu) làng Bảo Hà còn lưu giữ sắc phong Tô Phú Vượng là Hoàng tín đại phu, sắc phong đề

ngày 26 tháng 3 năm Bảo Thái thứ 9 (1728). Trong giấy chứng nhận hưởng bổng lộc của cụ có ghi mức lương là 38 quan tiền, 40 phương thóc, 254 bát gạo, tính ra bằng 35% số tiền, 90% số thóc, 100% số gạo đóng thuế trong một năm mà làng Bảo Hà thời đó phải nộp cho triều đình (Ban chấp hành Đảng bộ xã Đồng Minh, 2018: 23).

³ Sắc phong đề ngày 14 tháng 10 năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757).

Một quan điểm khác cũng đồng tình với nhận định nghề tạc tượng là cơ sở cho sự hình thành nghề múa rối cạn của làng, nhưng lại cho rằng, việc sáng tạo ra con rối để diễn trò không phải từ người của làng Bảo Hà, mà từ người ở phường rối của địa phương khác. thợ tạc tượng của làng khi nhận được “đơn đặt hàng” làm con rối, với những hiểu biết và kỹ thuật chuyên sâu, họ đã vận dụng để tạo ra con rối theo cách riêng của mình và định hình nên các trò diễn trên sân khấu dân gian, từ đó xây dựng, hình thành nên một phường rối cạn và nghề rối của làng dần phát triển (Tư liệu điền dã, 2024).

Như vậy, dù không có tài liệu ghi chép cụ thể về thời gian hay người sáng tạo, truyền dạy về múa rối cạn, nhưng tất cả các quan điểm, ý kiến đều khẳng định nghề tạc tượng của làng Bảo Hà chính là nền tảng để hình thành và phát triển nghệ thuật múa rối cạn nơi đây.

4. Con rối cạn Bảo Hà ẩn chứa tinh hoa nghề tạc tượng

Nghệ thuật tạo hình con rối của làng Bảo Hà mang đậm nét đặc thù của nghề tạc tượng. Những con rối cạn của phường là rối que bán thân, được tạo ra theo tiêu chí càng giống người thật càng tốt, đặc biệt là nét mặt. Tuy nhiên, trong các bước thực hiện cũng có sự khác biệt, như ở con rối tỷ lệ đường nét trên khuôn mặt, cơ thể mang tính ước lệ, tượng trưng và luôn có tính sáng tạo, còn với các bức tượng phải có sự chuẩn xác đến từng milimet.

Con rối của Bảo Hà có mặt và đầu được tạc liền với thân, giữa thân có cắm que trụ để giữ thẳng bằng; tay rối chỉ tạc phần đôi bàn tay, mỗi bên tay đều có cắm que trong để điều khiển. Sử dụng que tay trong để biểu diễn rối là một nét đặc sắc chỉ thấy ở nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà. Tuy nhiên, tạo ra con rối để điều khiển

que trong là kỹ thuật rất khó, đòi hỏi sự chính xác, tính nghệ thuật cao. Tư liệu điền dã của chúng tôi cho thấy, về cơ bản, quy trình chế tác con rối cạn Bảo Hà gồm những bước sau:

Nghiên cứu, tạo mẫu vẽ: Nghệ nhân rối căn cứ vào một số hình tượng, nhân vật, sự kiện có thật trong lịch sử hoặc hư cấu trong dân gian để khắc họa, thiết kế, vẽ mẫu con rối. Trên cơ sở mẫu vẽ, người tạo hình phải nắm bắt được cái hồn để chế tác.

Chọn, pha gỗ: Các con rối cạn thường được làm từ gỗ mít, gỗ xoan hoặc gỗ vàng tâm. Đây là những loại gỗ mềm, nhẹ, dẻo, ít cong vênh, nứt nẻ, có độ bền cao và dễ kiếm, phổ biến nhất là gỗ mít. Sau khi chọn được gỗ, người thợ sẽ cắt, pha theo kích cỡ con rối định làm.

Tạo dáng ban đầu: Căn cứ vào nhân vật rối để vạch phác mẫu và đục phác trên nét vẽ (mặt, cổ, thân...). Con rối nhân vật người của Bảo Hà được tạc bán thân, theo truyền thống thường có chiều cao từ 18-20cm, ngang vai 8-15cm. Tạc dáng xong, người thợ sẽ đục, chế tác sơ bộ và định hình mặt của con rối.

Tạo nét cơ bản: Loại bỏ những phần gỗ cần bỏ đi và sau đó đục vỡ để tạo hình các nét cơ bản như mũi, mắt, miệng... Ở công đoạn này, người tạc hình con rối thường áp dụng lỗ to đục trước, lỗ nhỏ đục sau.

Đục hạ tạo diện mạo: Đây là khâu quan trọng định hình những chi tiết mà con rối cần có và phải đảm bảo tính cân đối, hài hòa, hợp lý cho nhân vật. Đục hạ được thực hiện theo nguyên tắc từ trên xuống dưới; từ cao xuống thấp. Khi đục hạ, người thợ tạc tượng phải có sự sáng tạo mang tính nghệ thuật, ví dụ con rối nhân vật hề mang tính hài hước nên có môi héch, răng chia ra như đang cười, hay con rối nhân vật Lý Thông có khuôn mặt lưỡi cày, con mắt xếch ngược với cái nhìn láo liên...

Tạo chi tiết: Người thợ đục chi tiết để nắn nét lại đường nét trên sản phẩm sao cho cân đối với hình dáng, đạt tới độ mềm mại, tinh hoa. Khi đục chi tiết, người thợ cần đục phần phụ trước, phần chính sau cùng, như: khi đục mũi thì phải đục cánh mũi rồi mới đục quả mũi, sau đó đục lỗ mũi...

Gọt: Dùng dao ve gọt để làm nhẵn các vết gò ghề, gập ghềnh của khâu đục. Người làm phải đều tay khi gọt để sản phẩm đạt đến độ nhẵn nhụi, bóng bẩy.

Nạo: Dùng dao ve để nạo, tạo mặt phẳng hoặc mặt cong mềm mại cho sản phẩm. Khi nạo, tay cần miết trên gỗ cho đều và chính xác để vừa tránh gọt lẹm, vừa tránh sứt mẻ những đường nét nhỏ, tinh xảo của nhân vật.

Làm tay rôi: Tay rôi chỉ làm hai bàn tay, kích cỡ được làm tương ứng theo tỷ lệ khuôn mặt. Theo đó, chiều dài bàn tay con rôi bằng chiều dài từ trán đến cằm, độ rộng của bàn tay bằng chiều ngang của khuôn mặt, tư thế các ngón tay tạo theo hành động của con rôi.

Đánh giấy ráp, tạo bóng các chi tiết: Đánh giấy ráp để bề mặt con rôi mịn nên đòi hỏi có kỹ thuật và sự tỉ mỉ để giữ được các đường nét nông sâu cho con rôi. Để có sản phẩm bóng đẹp hơn, người thợ ở Bảo Hà còn dùng lá chuối tây khô xé nhỏ buộc lại thành túm nhúng vào sáp ong nóng chảy để lau lại lần cuối, hoặc dùng than xoan (đốt gỗ cây xoan) tán nhỏ, trộn tóc rôi để mài cho nhẵn các chi tiết.

Sơn lót: Sau khi phần mộc đã xong, họ tiến hành sơn các lớp khác nhau để hoàn thiện con rôi. Mỗi một lớp sơn phải chờ cho nước sơn khô mới được sơn lớp tiếp (khoảng 48 giờ), sơn xong phải phủ kín để lớp sơn mịn, đẹp, chống bụi.

Vẽ chi tiết: Các nét vẽ cho con rôi có tính ước lệ, không đòi hỏi chuẩn mực và tính chính xác cao như tô vẽ tượng gỗ.

Có thể một mắt to, một mắt nhỏ hay cả hai con mắt như đang liếc, láo liên diễn tả con người lọc lừa, dối trá như Lý Thông... Người thợ tạc tượng phải nắm bắt tính chất của nhân vật, vai diễn của con rôi để lột tả qua nét vẽ.

Lắp ráp, gắn tay: Khi các lớp sơn đã khô, người thợ lắp ráp thân và tay con rôi lại với nhau bằng các đinh gỗ, đinh tre, ốc vít để tạo ra một con rôi hoàn chỉnh. Mỗi bên bàn tay có gắn nối một que nhỏ như chiếc đũa, dài từ 25-27cm để điều khiển khi biểu diễn. Để con rôi cử động được, người thợ dùng dây vải buộc từ vai đến đầu que nối với bàn tay con rôi. Que tay trong là que điều khiển phía trong áo của con rôi, que nhỏ như chiếc đũa, được cắm trực tiếp vào bàn tay rôi và nối với bờ vai con rôi bằng dây vải giúp cánh tay có thể cử động được ở ba khớp: khớp nách, khớp khuỷu tay và khớp cổ tay. Khi biểu diễn, que được giấu kín trong ống tay áo của con rôi không lộ ra ngoài, nhờ vậy cử động của con rôi rất tự nhiên, sống động và hấp dẫn.

Tạo trang phục cho con rôi: Trang phục cắt khâu theo kích cỡ con rôi. Màu sắc, hoa văn trang phục được thiết kế phù hợp với tính cách, tuyến nhân vật. Kiểu dáng trang phục luôn là hai áo dài trùm thân, độ dài gấp đôi thân rôi, tạo cho con rôi như có cả phần chân, đồng thời che kín tay nghệ nhân khi điều khiển con rôi.

Các con rôi của phường rôi cạn Bảo Hà thiên về chi tiết đặc tả, mang phong cách tả thực, rất thân thuộc, gần gũi với hình tượng con người trong cuộc sống. Các nghệ nhân đã vận dụng kỹ thuật tạc tượng “truyền thần” một cách linh hoạt, tinh tế để tạo ra những con rôi sống động, có hồn, thể hiện rõ tính cách nhân vật mà nó nhập vai. Họ đã khai thác, phát huy những tinh hoa, trí tuệ của nghề tạc tượng để chế tác con rôi.

5. Đặc điểm cơ bản của rối cạn Bảo Hà

Nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà là hình thức diễn xướng dân gian trên sân khấu truyền thống thông qua biểu hiện, cử chỉ diễn xuất của con rối. Đây cũng là một món ăn tinh thần, một hình thức giải trí lành mạnh của dân làng trong những ngày hội hè, đình đám. Đặc điểm cơ bản của rối cạn Bảo Hà được thể hiện rõ nét ở sân khấu biểu diễn; các trò diễn cùng những tích trò.

5.1. Sân khấu biểu diễn

Sân khấu biểu diễn mang đậm nét dân gian, có hình khối vuông vắn, kích cỡ 3,5m x 3,5m. Đây là loại sân khấu bàn, sử dụng màn che để phân tách khu vực biểu diễn và buồng trò. Đặc biệt là con rối được điều khiển theo chiều ngang, đây là điểm đặc trưng chỉ thấy ở phường rối cạn Bảo Hà (Tư liệu điền dã, 2024).

Ở phía trước màn che là sân khấu biểu diễn, phía sau màn là buồng trò. Màn che cũng chính là phong hậu, được đan bằng tre cật: cao 1m, rộng 2m, mặt trước có sơn vẽ hoa văn rồng mây; liền hai bên bức màn là 2 cổng nhỏ, rộng 50cm, mô phỏng cổng đình, chùa làng, là nơi để đưa con rối ra và vào sau khi biểu diễn. “*Theo truyền thống, con rối khi diễn sẽ đưa ra từ cổng bên tay phải, diễn xong được đưa vào cổng bên tay trái, theo cách gọi dân gian của chúng tôi thì cửa sinh là cửa đi ra và cửa tử là cửa đi vào*” (PVS, ông Bùi Trọng Ngoan, Phó phường rối cạn Bảo Hà). Bức màn che trên sân khấu rối cạn Bảo Hà vừa giúp người điều khiển nhìn thấy quân rối của mình, vừa nhận biết được cảm xúc của người xem, đồng thời cũng giới hạn phạm vi biểu diễn của con rối trong không gian nhất định.

Phần sân khấu biểu diễn phía trước còn có màn sào bằng rèm nhung, nơi con rối thực hiện các động tác đứng, ngồi trên sào vừa để che phần chân, tay người điều khiển

khi diễn, vừa ngăn tầm mắt của người xem nhìn vào buồng trò (Tư liệu điền dã, 2024).

5.2. Trò diễn và các tích trò

Các trò diễn (tiết mục) trên sân khấu rối cạn Bảo Hà chủ yếu là những trò lẻ, được tiếp thu một cách sáng tạo các hình thức diễn xướng dân gian do con người biểu diễn trên sân khấu của các phường hội khác trong làng như các vở chèo, tuồng cổ hay đội múa tứ linh (Nguyễn Huy Hồng, 1974: 136-138).

“*Trò diễn cổ truyền của múa rối Bảo Hà gồm có: Múa tứ linh; Trương Viên; Thạch Sanh; Trống cơm, Múa thỏ*” (TLN các nghệ nhân rối cạn Bảo Hà). Đây là những trò lẻ, mỗi trò đều có những sắc thái riêng: có trò diễn có lời thoại và lời ca; có trò diễn không lời, chỉ có âm nhạc; có trò diễn gắn với tích trò; có trò diễn gắn với quan niệm, tín ngưỡng cầu mùa của dân làng... Múa tứ linh là trò diễn không lời, chỉ dùng tiếng trống làm nhịp điệu, thể hiện mong muốn về cuộc sống sung túc, mùa màng bội thu. Trò Trống cơm, Múa thỏ có kết hợp lời và âm nhạc mang đậm chất thơ, chất trữ tình cùng với tính cách điệu của làn điệu chèo và dân ca quan họ, gợi nên những xúc cảm sâu lắng cho người xem về tình cảm, sự gắn bó trong gia đình, cộng đồng và tình yêu đối với quê hương, đất nước (Tư liệu điền dã, 2024).

Đặc điểm nổi bật ở các trò diễn của phường rối cạn Bảo Hà là mang đậm yếu tố chèo, nhất là ở trò diễn Trương Viên (đôi ngọc Lưu Ly). Phong cách chèo được thể hiện trong toàn bộ nội dung biểu diễn; các hành động, cử chỉ của con rối nhiều phần đã tô đậm hơn hành động của các nhân vật thần thoại và loài vật (vợ chồng quỷ, tiên, hổ...). Tính châm biếm, vui nhộn của các vai hề (hề Xá, lính hầu, Cam, Quýt...) làm cho chất chèo được đảm bảo và hài hòa với hành động, tính cách điệu của con rối cùng ngôn ngữ trong diễn rối (Tư liệu điền dã, 2024).

Năm 1954, phường rối Bảo Hà đã được khôi phục lại, các trò diễn với tích trò truyền thống được mọi người yêu thích, do đó phường rối đã được mời biểu diễn ở nhiều nơi như: mừng Hải Phòng giải phóng (tháng 5/1955); dự Liên hoan múa rối tại Thủ đô Hà Nội (năm 1960); từ năm 1965-1973 biểu diễn toàn miền Bắc; từ năm 1980-1998 biểu diễn cho các lễ hội, hội nghị của địa phương và các huyện lân cận... Năm 1994, tích trò Trương Viên đạt giải nhất trong Liên hoan Múa rối toàn quốc tại Thủ đô Hà Nội do Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tổ chức (Tư liệu điền dã, 2024).

Sang đầu thế kỷ XXI, với sự xuất hiện của nhiều loại hình nghệ thuật, giải trí hiện đại, múa rối cạn Bảo Hà không còn thu hút được đông đảo người xem, nhất là giới trẻ: *“Đã từ lâu, những trò diễn với các tích trò truyền thống chỉ có mấy người xem. Chúng tôi chỉ diễn khi có đoàn đến nghiên cứu hay đài truyền hình về quay”* (PVS, ông Đỗ Văn A, làng Bảo Hà). Điều này cho thấy, phường rối Bảo Hà cần nắm bắt nhu cầu của công chúng để có sự đổi mới, sáng tạo trong các trò diễn, bao gồm nội dung, hình thức biểu diễn. Hơn nữa, những nghệ nhân rối cạn Bảo Hà đều đã cao tuổi, họ vẫn luôn mong muốn thế hệ kế cận tiếp nối nghệ thuật múa rối cạn của làng, nhưng thực sự là rất khó để những người trẻ tuổi theo nghề bởi thu nhập từ diễn rối rất thấp và không ổn định. *“Từ năm 2000 đến nay, trong một năm phường chỉ diễn 1-2 lần, thậm chí có năm không diễn lần nào cả”* (PVS, bà Đào Thị Giòn, làng Bảo Hà). Do đó, việc bảo tồn và phát huy loại hình di sản văn hóa này rất cần có sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự chung tay, góp sức của các cơ quan văn hóa, các ban, ngành, đoàn thể có liên quan.

6. Kết luận

Múa rối cạn là một trong những nghề có từ lâu đời ở làng Bảo Hà. Đây là một hình thức diễn xướng trên sân khấu dân gian đạt đến trình độ cao về cả nội dung, hình thức biểu diễn thông qua con rối. Nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà được hình thành và phát triển trên cơ sở của nghề tạc tượng. Người chế tác các con rối là những người thợ tạc tượng lành nghề và cũng chính là những nghệ nhân - người điều khiển các con rối. Con rối của phường xưa nay luôn diễn tả rất tốt thần thái của nhân vật mà nó nhập vai. Những tinh hoa của nghề tạc tượng đã được người làm con rối kế thừa, phát huy để tạo ra những con rối sống động.

Từ những nội dung đã trình bày ở trên, có thể thấy, con rối và nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà chính là kết tinh tài hoa, trí tuệ của nghề tạc tượng nơi đây, đó là những di sản văn hóa quý báu của dân tộc rất cần được bảo tồn và phát huy □

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Đảng bộ xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (2018), *Lịch sử Đảng bộ xã Đồng Minh (1948-2018)*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng.
2. Nguyễn Huy Hồng (1974), *Nghệ thuật múa rối Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
3. Nguyễn Thu Trang (2006), “Góp phần tìm hiểu về rối cạn Bảo Hà”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5, tr. 69-74.
4. Nguyễn Văn Tuom (2023), *Giáo trình chế tác quân rối và nghệ thuật biểu diễn rối cạn*, Tài liệu đánh máy.
5. UBND xã Đồng Minh (2024), *Báo cáo hoạt động làng nghề* (6 tháng đầu năm 2024).
6. UBND xã Đồng Minh (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện kinh tế - xã hội- quốc phòng - an ninh*.